

Các hướng nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam

Phạm Thu Trang^(*)

Tóm tắt: Nghiên cứu về nhân cách đã được phân tích với các mức độ, phạm vi, mục đích khác nhau và từ nhiều góc độ như: tâm lý học, xã hội học, đạo đức học, luật học, v.v... Trên thế giới vào những năm 1970-1980, nhiều trào lưu nghiên cứu về nhân cách trong tâm lý học đã được hình thành và phát triển mạnh mẽ ở nhiều quốc gia. Ở nước ta, nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam ban đầu chủ yếu được thể hiện trong những công trình đầu tiên nghiên cứu về con người Việt Nam qua các tác phẩm của Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Huyền cùng nhiều nhà khoa học khác, về sau, nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam đã được chú ý nhiều từ giới tâm lý học. Hiện nay, theo chúng tôi, nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam không chỉ được đề cập đến qua tâm lý học mà còn từ nhiều góc độ nghiên cứu khác như: đạo đức học, văn học và văn hóa học, liên ngành khoa học xã hội, triết học.

Từ khóa: Nhân cách, Nghiên cứu về nhân cách, Nhân cách con người Việt Nam, Tâm lý học nhân cách

1. Các nghiên cứu dưới góc độ tâm lý học

Hiện nay, trong nghiên cứu, nhân cách trước hết và chủ yếu vẫn là đối tượng của tâm lý học. Trong tâm lý học có riêng phân ngành là tâm lý học nhân cách đi sâu nghiên cứu đối tượng này. Theo đó, các quan điểm, lý thuyết về nhân cách cùng với những vấn đề của nó như khái niệm, cấu trúc, quá trình hình thành và phát triển cũng chủ yếu được xem xét từ góc độ của các nghiên cứu tâm lý học. Nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam dưới góc độ tâm lý học chủ yếu tập trung vào các nội dung nghiên cứu sau:

Thứ nhất, tập trung vào đối tượng nhân cách cụ thể như: nhân cách người Hà Nội, nhân cách nhà kinh doanh giỏi, nhân cách người cán bộ, sĩ quan, nhân cách Hồ Chí Minh, nhân cách của hội thẩm nhân dân, nhân cách người cán bộ quân đội, nhân cách người lãnh đạo, quản lý, nhân cách người cán bộ khoa học, nhân cách kiểm toán viên nhà nước... Các nghiên cứu thuộc loại này thường làm rõ các đặc điểm, phẩm chất quan trọng, chủ yếu thuộc về nhân cách của các đối tượng được đề cập đến như: bản lĩnh là phẩm chất cốt lõi của người cán bộ quân đội, nhân tố đức và tài của người lãnh đạo quản lý, các chỉ số (hay các mặt) cần thiết về trình độ trí tuệ, về kiến thức, kỹ năng,

^(*) ThS., Viện Thông tin KHXH; Email: thutrang84_triet@yahoo.com

về sức khỏe thể chất, về động cơ, thái độ của một nhà kinh doanh giỏi,... (Phạm Tất Dong, 2010; Đỗ Long, 2004; Nguyễn Thị Thanh Tâm, 2011; Trần Trọng Thủy, 2004; Lê Hữu Xanh, 2006...).

Thứ hai, cũng đề cập đến đối tượng nhân cách cụ thể, nhưng là những đối tượng khá đặc thù nên có không ít nghiên cứu đề cập đến nhân cách của học sinh, sinh viên Việt Nam với những phân tích về thực trạng, nguyên nhân của sự phát triển nhân cách của đối tượng này, trên cơ sở đó đưa ra những phương hướng, biện pháp giáo dục nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho học sinh, sinh viên Việt Nam. Các nghiên cứu theo hướng này chủ yếu quan tâm đến các vấn đề: sự hình thành và phát triển của hệ thống động cơ (học tập, lao động, chọn nghề, giao tiếp, động cơ thành đạt...); khả năng tự đánh giá; sự định hướng giá trị chung và định hướng giá trị trong các hoạt động khác nhau; thái độ trước những vấn đề xã hội khác nhau cũng như đối với những hoạt động khác nhau; tinh thần trách nhiệm; hứng thú; khả năng thích ứng xã hội (Nguyễn Thị Mai Lan, 2010; Phạm Thị Minh, 2005; Phạm Huy Thành, 2012).

Thứ ba, tập trung vào những yếu tố, những phẩm chất tâm lý quan trọng, tích cực thuộc về nhân cách thông qua các biện pháp tác động tâm lý - giáo dục, đó là các vấn đề như: hình thành động cơ nhân cách của hoạt động học tập; hình thành thái độ tích cực đối với học tập và đối với các vấn đề xã hội hiện nay; hình thành khả năng tự đánh giá và đánh giá khách quan, phù hợp; giáo dục tinh thần trách nhiệm, giáo dục hình thành kỹ năng sống; giáo dục hình thành khả năng sáng tạo, giáo dục tài năng, nhân tài,... (Trần Anh Châu, 2008; Nguyễn Văn Huyền, 1995; Lê Hương, 2003; Phạm Thành Nghị, 2008...).

Thứ tư, nghiên cứu về những nhân cách bệnh lý, nhân cách phát triển lệch lạc, nhân cách đang trong quá trình suy thoái, phát hiện nguyên nhân sâu xa của sự lệch lạc để trên cơ sở đó có những biện pháp ngăn ngừa, trị liệu, giáo dục, tư vấn nhằm góp phần tạo ra một xã hội với những con người phát triển lành mạnh, hài hòa cả về thể chất lẫn tâm lý. Thuộc hướng nghiên cứu này, những vấn đề đã được làm rõ là: đặc điểm nhân cách của người nghiện ma túy; đặc điểm nhân cách của gái mại dâm; ảnh hưởng của nhóm bạn tiêu cực đến những hành vi lệch chuẩn, hành vi vi phạm pháp luật của trẻ vị thành niên; những rối loạn hành vi và những dấu hiệu của chúng (Phan Thị Mai Hương, 2005; Đỗ Long, 2000; Hồ Hữu Nhựt, 2004...).

Cuối cùng là các nghiên cứu định lượng, lượng hóa các yếu tố nhân cách, theo hướng này các công trình đã Việt hóa hoặc bước đầu thích ứng một số phương pháp chuẩn hóa đo đạc, đánh giá nhân cách như: thích ứng Test sáng tạo; Test đánh giá kỹ năng xã hội; Test định hướng giá trị nhân cách; Test đánh giá các mặt nhân cách của Cattell 16 PF; Test phóng chiếu TAT; NEO PI-R (Đào Thị Oanh, 2007; Phạm Minh Hạc, 2007...).

Như vậy, những nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam dưới góc độ của tâm lý học chủ yếu hướng tới tiếp cận những đối tượng nhân cách cụ thể, với những biện pháp tâm lý - giáo dục, với việc điều tra, lượng hóa các yếu tố và phẩm chất cụ thể của các đối tượng nhân cách đó (Xem thêm: Đào Thị Oanh, 2007: 14-16).

Bên cạnh đó, đề cập đến *vai trò của các yếu tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam* như: Vai trò của gia đình, của văn hóa gia đình (Lê Thi, 1997; Lê Như Hoa, 2001), vai trò của nhà trường (Hoàng Đức Nhuận, 1996), vai trò của pháp luật

(Nguyễn Đình Đăng Lục, 2005), vai trò của yếu tố văn hóa thẩm mỹ (Lê Thị Thùy Dung, 2013; Lương Thị Quỳnh Khuê, 1995)..., các nghiên cứu đều đi đến khẳng định, quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam là quá trình phức tạp. Trong quá trình đó, mỗi yếu tố đều có một vị trí, vai trò và ảnh hưởng không giống nhau, các yếu tố luôn biến đổi tùy thuộc vào mỗi giai đoạn phát triển của từng người cụ thể. Xác định, đánh giá đúng vị trí, vai trò của từng yếu tố để có những biện pháp giáo dục và tác động phù hợp giúp cho nhân cách con người Việt Nam ngày càng trở nên hoàn thiện và tốt đẹp hơn, hướng tới những giá trị cao đẹp nhất, là một việc làm quan trọng, nhất là trong điều kiện hiện nay.

2. Các nghiên cứu dưới góc độ đạo đức học

Đạo đức học xem xét nhân cách chủ yếu ở khía cạnh đạo đức cũng như vai trò và ảnh hưởng của giáo dục đạo đức đối với sự hình thành nhân cách. Trong lý luận nhân cách, đạo đức là gốc của nhân cách nhưng chưa nói lên đầy đủ, toàn bộ nhân cách. Cho nên không thể đồng nhất đạo đức (vẫn thường được quan niệm là phẩm chất) với nhân cách. Nghiên cứu nhân cách con người Việt Nam dưới góc độ đạo đức học chủ yếu là các luận án tiến sĩ triết học tập trung nhấn mạnh đến giáo dục đạo đức hoặc vai trò của giáo dục đạo đức trong điều kiện hiện nay đối với sự hình thành của nhân cách con người Việt Nam.

Trần Sỹ Phán trong Luận án tiến sĩ Triết học *Giáo dục đạo đức đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay* cho rằng, triết học Marx-Lenin xem xét nhân cách như là một chỉnh thể cá nhân có tính lịch sử - cụ thể, tham gia vào hoạt động thực tiễn, đóng vai trò của chủ thể nhận thức và cải tạo thế giới, chủ thể của

quyền hạn và nghĩa vụ, của những chuẩn mực đạo đức, thẩm mỹ và mọi chuẩn mực xã hội khác (Trần Sỹ Phán, 1999: 19). Đây là một trong những công trình đầu tiên nghiên cứu sự hình thành và phát triển nhân cách dưới góc độ cụ thể - đó là vai trò của giáo dục đạo đức đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.

Cũng đề cập đến *Vai trò của đạo đức đối với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay*, luận án tiến sĩ của Lê Thị Thùy (2000) lại khẳng định, vai trò của giáo dục đạo đức đối với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay là tiêu chí và là nền tảng của nhân cách, góp phần tạo dựng nhân cách phát triển hài hòa, toàn diện, theo xu hướng nhân văn. Theo tác giả, trong điều kiện hiện nay để nâng cao vai trò của đạo đức cần thực hiện đồng bộ các giải pháp kinh tế-xã hội, giáo dục và văn hóa tinh thần. Trong đó, việc giữ vững định hướng chính trị trong phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với công bằng xã hội, đẩy mạnh hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng, tận dụng lợi thế của văn hóa, đặc biệt là văn hóa nghệ thuật với những tác động biểu cảm và tinh tế của nó tới tâm hồn con người là những giải pháp thiết thực và chủ yếu.

Tác giả Nguyễn Văn Phúc (1996) trong bài viết *Vai trò của giáo dục đạo đức đối với sự phát triển nhân cách trong cơ chế thị trường* đã phân tích một số biểu hiện tác động của cơ chế thị trường lên nhân cách và khẳng định rằng, giáo dục đạo đức sẽ góp phần lấy lại sự thống nhất, đảm bảo sự phát triển hài hòa cho nhân cách, “nó là một nhân tố tất yếu và quan trọng của chiến lược con người trong bối cảnh thị trường hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Tuy nhiên, theo tác giả, giáo dục đạo đức chỉ

có thể phát huy tác dụng khi nó được kết hợp với các giải pháp ngoài đạo đức là các giải pháp kinh tế-xã hội. Một cơ chế thị trường hoàn thiện được pháp chế hóa, sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, những giải pháp phát triển lấy hiệu quả kinh tế-xã hội làm cơ sở... sẽ là cơ sở kinh tế-xã hội cho sự phát triển nhân cách.

Là một trong số không nhiều công trình trực tiếp khẳng định việc *kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống* có vai trò không nhỏ trong xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay, luận án tiến sĩ của Cao Thu Hằng (2011) cho rằng, ở Việt Nam hiện nay, việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách là một tất yếu và để các giá trị đạo đức truyền thống phát huy được tác dụng tích cực đối với sự phát triển nhân cách con người Việt Nam, cần phải đẩy mạnh công tác giáo dục các giá trị đạo đức truyền thống, phát huy vai trò của pháp luật và cùng với đó là nâng cao tính tích cực của nhân dân trong việc kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống. Các giải pháp này có sự thống nhất và tác động qua lại lẫn nhau và đó là sự đảm bảo cho việc phát triển nhân cách con người Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của xã hội hiện nay.

3. Các nghiên cứu từ góc độ văn học và văn hóa học

Những nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam từ góc độ văn học và văn hóa học chủ yếu đề cập đến việc xác định “mô hình nhân cách con người Việt Nam” như là những mẫu người tiêu biểu đại diện cho các giá trị văn hóa - lịch sử, là sự khái quát những giá trị, đặc trưng nổi bật của con người Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Theo đó, từ góc độ này, theo Hồ Liên (2008), các học giả chủ yếu định hình những mẫu người đó theo những chân dung văn học hay mô hình nhân cách của

một lớp người hay những nhân vật lịch sử có thật. Theo đó, từ góc độ nghiên cứu văn chương, Trương Từ đề xuất mẫu hình của cặp “nhà nho tài tử” và “nhà nho quân tử”. Trần Đình Hượu đã xây dựng lý thuyết khảo sát “con người chức năng”, mẫu người “nhà nho tài tử”. Trần Ngọc Vương phác thảo mẫu người “Hoàng đế”. Dưới góc độ văn hóa học, Trần Quốc Vượng viết về những danh nhân tiêu biểu trong các giai đoạn văn hóa như: Lý Nhân Tông thời nhà Lý, nhà giáo Chu Văn An ở giai đoạn nhà Trần, Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Lê Thánh Tông ở thời kỳ Hậu Lê, Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Trịnh Nguyễn Bình Khiêm ở giai đoạn cuối Lê đầu Nguyễn... Phan Ngọc viết về những nhân cách tiêu biểu của con người Việt Nam, trong đó có Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Chí Minh...

Cũng tiếp cận nhân cách con người Việt Nam từ góc độ văn hóa học, Đỗ Lai Thúy trình bày các “mẫu người văn hóa” để khái quát về “văn hóa Việt Nam” thể hiện trong tác phẩm *Văn hóa Việt Nam - Nhìn từ mẫu người văn hóa*. Ông quan niệm rằng, “mẫu người văn hóa là khái niệm trừu tượng, có ý nghĩa khái quát về những lớp người có diện mạo tinh thần giống nhau, được hình thành trong khoảng thời gian lịch sử mà ở đó văn hóa bộc lộ những tính chất giống nhau, một khí hậu văn hóa giống nhau”. Và mẫu người văn hóa của các thời đại văn hóa cụ thể được Đỗ Lai Thúy gọi bằng “con người làng xã, con người vô ngã, con người quân tử, con người tài tử, con người cá nhân”. “...Con người làng xã làm nên căn cước của con người Việt Nam, quyết định bản sắc của văn hóa cổ truyền Việt Nam. Là phần lõi, là cơ tầng của văn hóa Việt Nam” (Đỗ Lai Thúy, 2005: 131).

Sau con người làng xã, mẫu người văn hóa đại diện cho tinh thần dân tộc

phát triển đến đỉnh cao là chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng trong thời đại Lý - Trần là “con người vô ngã”. Đó là những con người kiệt xuất, những nhân cách lớn, những trí thức phóng khoáng có trình độ tư duy cao, những anh hùng chống giặc ngoại xâm... Họ đa dạng về nhân cách, về cá tính, về hành trạng, nhưng có một điểm chung tạo thành mẫu người tiêu biểu của thời đại, đó là đem cái tiểu ngã cá nhân, gia đình, làng xã hòa vào cái đại ngã dân tộc, ý thức về Tổ quốc là thiêng liêng, là trên hết.

Sang đến thời kỳ mới, “con người quân tử” là kết quả của sự kết hợp giữa tinh thần dân tộc Đại Việt với sự khúc xạ tư tưởng Nho gia Trung Hoa, sự kết hợp giữa con người chức năng với con người cộng đồng mà chủ nghĩa yêu nước là nét cơ bản tạo nên diện mạo tinh thần của nó. Khi lịch sử Việt Nam chuyển sang bước ngoặt mới, những con người mới được hình thành trong cuộc chiến đấu lâu dài giành độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Mẫu người đại diện cho thời kỳ này là người anh hùng, người chiến sĩ, là “Anh lính cụ Hồ” và hiện thân tiêu biểu nhất của nhân cách văn hóa này chính là Hồ Chí Minh.

4. Các nghiên cứu từ góc độ liên ngành khoa học xã hội

Nhân cách với những yếu tố và thành phần trong cấu trúc của nó vừa được tâm lý học nghiên cứu nhưng đồng thời cũng được đo đạc bằng các chỉ số và các phương pháp thực nghiệm theo các phương pháp của xã hội học. Với thế mạnh là định lượng được bằng các chỉ số rõ ràng hiện nay, các công trình nghiên cứu, nhất là các đề tài cấp nhà nước về vấn đề nhân cách, đã chủ yếu áp dụng các phương pháp liên ngành tâm lý học, xã hội học để nghiên cứu nhân cách của từng nhóm đối tượng cụ thể như: sinh viên, học

sinh, công nhân,... từ đó có những kết luận chung cho nhân cách con người Việt Nam. Những công trình nghiên cứu khoa học công nghệ cấp nhà nước về nhân cách con người Việt Nam đã được thực hiện có thể kể đến là Chương trình KX.07, KHXH.04, Chương trình KX.05 (Về các chương trình này xem thêm bài viết của Vũ Thị Minh Chi in trong cuốn sách do Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc chủ biên, 2004).

Trong đó, đáng chú ý là đề tài thuộc chương trình khoa học cấp nhà nước đã áp dụng phương pháp đo đặc tâm lý NEO PI-R có sửa chữa và bổ sung cho phù hợp với thực tế Việt Nam để điều tra, đo đặc những đặc điểm giá trị nhân cách của một số tầng lớp người Việt Nam hiện nay thể hiện qua cuốn sách *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên* do Phạm Minh Hạc chủ biên (2007).

Công trình này mô tả kết quả đo đặc điều tra nhân cách của một khối lượng lớn số mẫu đại diện cho các tầng lớp người Việt Nam (học sinh, sinh viên, nông dân, công nhân, giáo viên, trí thức, doanh nhân) và một số điển hình thành đạt đã tạo cơ sở rút ra những nhận định chung về mặt mạnh, mặt yếu của người Việt Nam hiện nay. Sử dụng phương pháp định lượng mới nhất trên thế giới NEO PI-R để đo đặc nhân cách con người Việt Nam, như chính tác giả khẳng định, có nhiều ưu thế nhất định nhưng vẫn không tránh khỏi “một số điểm bất cập về mặt phương pháp tiếp cận và triển khai nghiên cứu” bởi “có nhiều khía cạnh và chiều sâu của hiện thực mà hệ phương pháp định lượng không thể đáp ứng” (Phạm Minh Hạc, 2007: 54). Hơn nữa, theo tác giả việc cung cấp một bức tranh toàn diện và sâu sắc về *bối cảnh* hình thành nhân cách, đặc biệt là nhân cách của các nhóm xã hội khác nhau, chỉ ra những quá trình phức tạp và vô

cùng linh hoạt của thực hành hình thành và biến đổi nhân cách, nêu bật lên những quan niệm của chính bản thân chủ thể hành động hay nói một cách khác là trình bày vấn đề nhân cách thông qua lăng kính chủ thể... chỉ có thể thực hiện được bằng hàng loạt những công cụ hữu hiệu và đặc trưng của hệ các phương pháp định tính trong khoa học xã hội.

Như vậy, trong nghiên cứu nhân cách con người Việt Nam, việc áp dụng các phương pháp định lượng trong khoa học xã hội dù có ưu việt đến mấy, nhưng trên thực tế, lại có ý nghĩa không nhiều trong việc định hình được bản chất thực sự của nhân cách con người Việt Nam. Bản chất của nhân cách sẽ không thể nào được làm sáng tỏ nếu chỉ xét về mặt chức năng cũng như mặt cấu trúc vật chất. Lý do có lẽ phần lớn thuộc về phương pháp luận, vì thế phương pháp luận trong nghiên cứu nhân cách theo chúng tôi vẫn là cần tuân theo những nguyên tắc tiếp cận của triết học mác xít đó là nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc lịch sử - xã hội và nguyên tắc tiếp cận hoạt động - giá trị. Áp dụng những nguyên tắc này một cách chính xác thì mới có thể làm rõ được bản chất của nhân cách con người Việt Nam.

5. Các nghiên cứu dưới góc độ triết học

Nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam nói riêng và nhân cách nói chung từ góc độ triết học có nghĩa là tập trung vào những vấn đề chung nhất của nhân cách và nhân cách con người Việt Nam cũng như tập trung vào những vấn đề xác lập nền tảng cơ sở lý luận và phương pháp luận cho nghiên cứu nhân cách. Khoảng hơn mười năm trở lại đây, trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi căn bản, khi mà những biến động về hệ giá trị đang trở nên phức tạp, khi con người ngày càng phải đối mặt nhiều hơn với những biến động về lối sống, quan

niệm sống,... người ta ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn trong tìm kiếm giải pháp hợp lý, khoa học, bài bản cho những vấn nạn xung quanh sự suy thoái nhân cách, thì việc tìm kiếm và xác lập nền tảng phương pháp luận và cơ sở lý luận cho nghiên cứu nhân cách trong triết học ngày càng được đặt ra cấp thiết hơn. Những năm qua, nhiều đề tài cấp nhà nước về nhân cách đã được tiến hành theo các hướng nghiên cứu khác nhau từ nhiều góc độ và đã đạt được những kết quả đáng kể. Tuy nhiên, những vấn đề thực sự của bản thân nhân cách cũng như khoa học nghiên cứu về nó vẫn đặt ra nhiều vướng mắc chưa lý giải được đòi hỏi tiếp tục được nghiên cứu, xem xét.

Hiện nay, những nghiên cứu mang tính chất phương pháp luận của triết học về nhân cách không nhiều, một số bài báo trực tiếp xem xét khái niệm nhân cách từ góc độ triết học Marx-Lenin như *Bàn về khái niệm nhân cách dưới góc độ triết học* của Nguyễn Quốc Tuấn (2006) và *Nhân cách theo quan điểm Triết học Marx-Lenin* của Vũ Thị Kim Oanh (2011).

Trong nghiên cứu nhân cách con người Việt Nam, khi đưa ra định hướng có tính chất phương pháp luận cho việc nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường kinh tế-xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam, tác giả Đặng Vũ Hoạt (1993) cho rằng chiến lược con người đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu hết sức nghiêm túc về mặt khoa học nhằm: làm sáng tỏ bản chất với những đặc điểm cơ bản của con người Việt Nam; phát hiện những quy luật và những tính quy luật của sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử nói chung; xây dựng và thực hiện một hệ thống giải pháp phức hợp, hợp lý để một mặt có thể giáo dục, đào tạo mọi người trở thành những

công dân hữu ích, những người lao động có đủ phẩm chất và năng lực đảm đương được những trách nhiệm nhất định trên các cương vị nhất định, mặt khác, có thể khai thác và tận dụng có hiệu quả nhất khả năng của mỗi con người phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của đất nước; dự báo phát triển nhân cách con người Việt Nam vào những năm cuối thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI.

Tóm lại, trong nghiên cứu nhân cách con người Việt Nam, việc phân chia thành các lĩnh vực nghiên cứu trên đây cũng chỉ mang tính chất rất tương đối. Việc nghiên cứu về nhân cách con người Việt Nam từ nhiều góc độ khác nhau cũng đã có nhiều bài viết, công trình, đề tài các cấp, tuy nhiên, những vấn đề thuộc về sự phức tạp của bản thân đối tượng nghiên cứu, vấn đề quan hệ giữa lý luận và thực tiễn khảo sát, vấn đề sử dụng các phương pháp định tính, định lượng trong nghiên cứu... vẫn cần nhiều công trình nghiên cứu đảm bảo chất lượng hơn nữa để đem lại một cái nhìn bao quát, toàn diện về nhân cách con người Việt Nam □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách: Một số vấn đề lý luận*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Trần Anh Châu (2008), “Tác động của một số đặc điểm nhân cách đến động cơ thành đạt của thanh niên”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 8.
3. Phạm Tất Dong (chủ biên, 2010), *Những phẩm chất nhân cách đặc trưng của người Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội.
4. Lê Thị Thùy Dung (2013), *Vai trò của văn hóa thẩm mỹ đối với sự phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Trung tâm Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Phạm Minh Hạc, Lê Đức Phúc (chủ biên, 2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Minh Hạc (chủ biên, 2007), *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-R cải biên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Cao Thu Hằng (2011), *Kế thừa các giá trị đạo đức truyền thống trong xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện KHXH, Viện KHXH Việt Nam, Hà Nội.
8. Lê Như Hoa (2001), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em*, Viện Văn hóa và Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
9. Đặng Vũ Hoạt (1993), “Định hướng có tính chất phương pháp luận cho việc nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường kinh tế-xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, số 11.
10. Nguyễn Văn Huyền (1995), “Quá trình sáng tạo và sự phát triển nhân cách”, *Tạp chí Triết học*, số 3.
11. Lê Hương (2003), “Động cơ và quá trình hình thành nhân cách”, *Tạp chí Tâm lý học*, số 5.
12. Phan Thị Mai Hương (2005), *Thanh niên nghiện ma túy: Nhân cách và hoàn cảnh xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. Lương Thị Quỳnh Khuê (1995), *Văn hóa thẩm mỹ với sự hình thành nhân cách của con người Việt Nam hiện nay*, Luận án phó tiến sĩ Khoa học Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

14. Nguyễn Thị Mai Lan (2010), *Định hướng giá trị nhân cách của học sinh trung học phổ thông*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
15. Hồ Liên (2008), *Một hướng tiếp cận văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
16. Đỗ Long (2000), “Quan hệ của trẻ và biện pháp khắc phục quá trình phi nhân cách hóa ở trẻ lang thang”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 4.
17. Đỗ Long (2004), “Lại bàn về nhân cách và nhân cách chiến sỹ”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 12.
18. Nguyễn Đăng Đình Lục (2005), *Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
19. Phạm Thị Minh (2005), “Giáo dục nhân cách cho học sinh, sinh viên trong bối cảnh của cơ chế thị trường”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 7.
20. Phạm Thành Nghị (2008), “Đặc điểm nhân cách sáng tạo”, *Nghiên cứu Con người*, số 3.
21. Hoàng Đức Nhuận (1996), *Vai trò của nhà trường trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam bằng con đường giáo dục đào tạo*, Báo cáo nội dung nghiên cứu và kết quả đạt được của Đề tài KX-07-08, Hà Nội.
22. Hồ Hữu Nhựt (2004), “Giáo dục nhân cách người cai nghiện”, *Nghiên cứu con người và xã hội*, Trung tâm KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh, Số nội san tháng 1.
23. Đào Thị Oanh (2007), *Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
24. Vũ Thị Kim Oanh (2011), “Nhân cách theo quan điểm triết học Marx-Lenin”, *Khoa học Chính trị*, số 2.
25. Trần Sỹ Phán (1999), *Giáo dục đạo đức đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
26. Nguyễn Văn Phúc (1996), “Vai trò của giáo dục đạo đức đối với sự phát triển nhân cách trong cơ chế thị trường”, Tạp chí *Triết học*, số 5.
27. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2011), “Nhân cách người lãnh đạo quản lý và vai trò của yếu tố trí tuệ cảm xúc”, *Nghiên cứu Con người*, số 3.
28. Phạm Huy Thành (2012), “Vai trò của giáo dục chủ nghĩa yêu nước đối với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay”, *Dạy và học ngày nay*, số 4.
29. Lê Thị (1997), *Vai trò gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
30. Trần Trọng Thủy (2004), “Lao động và nhân cách của người cán bộ khoa học nhìn từ góc độ của tâm lý học xã hội”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 2.
31. Lê Thị Thủy (2000), *Vai trò của đạo đức đối với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
32. Đỗ Lai Thúy (2005), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mẫu người văn hóa*, Nxb. Văn hóa thông tin, Tạp chí Văn hóa - nghệ thuật, Hà Nội.
33. Nguyễn Quốc Tuấn (2006), “Bàn về khái niệm nhân cách dưới góc độ triết học”, *Khoa học Chính trị*, số 1.
34. Lê Hữu Xanh (2006), “Nhân cách người lãnh đạo quản lý ở nước ta hiện nay - Lý luận và thực tiễn”, Tạp chí *Tâm lý học*, số 1.